- Không.

Y cúi xuống tấm ảnh, tay làm vành áp vào trán để che ngọn lửa.

- Ông không thấy anh ta giống tôi sao?

- Tôi không biết nữa.

Y nhìn dõi vào tấm ảnh mấy giây nữa rồi đưa trả lại tôi.

- Gay đúng hệt như thế này khi tôi quen nàng, y nói, giọng rầu rầu.

- Này, đây là một tấm hình cô ấy dạo bé.

Tôi chìa cho y tấm ảnh kia và y nhìn thật kỹ dưới ánh sáng bật lửa, tay vẫn làm vành áp vào trán, trong tư thế một người thợ đồng hồ đang làm một công việc đòi hỏi cực kỳ chính xác.

- Đó là một cô bé xinh đẹp, y nói. Ông còn tấm ảnh nào nữa của nàng không?

- Đáng tiếc là không… Còn ông?

- Tôi có một tấm hôm chúng tôi cưới, nhưng tôi đánh mất ở bên Mỹ rồi… Thậm chí tôi không chắc có còn giữ được mảnh báo hồi nàng tự vẫn…

Cái âm sắc Mỹ lơ lớ của y, thoạt đầu rất nhẹ, giờ mỗi lúc một rõ. Do mệt chăng?

- Ông thường hay phải đợi thế này trước khi về nhà ư?

- Càng ngày càng thường xuyên hơn. Vậy mà, hồi đầu mọi sự đều tốt đẹp… Trước, vợ tôi rất dễ thương.

Y châm một điếu thuốc lá khó khăn vì gió.

- Gay hẳn sẽ rất ngạc nhiên nếu thấy tôi như thế này…

Y sáp lại gần tôi hơn và tì một tay lên vai tôi.

- Ông có thấy nàng ra đi trước khi quá muộn là có lý không ông bạn?

Tôi nhìn y. Ở y, cái gì cũng tròn. Khuôn mặt, đôi mắt xanh và thậm chí cả bộ ria xén tỉa theo hình cung. Và cái miệng nữa, và đôi bàn tay bầu bĩnh. Y làm tôi nhớ đến những quả bóng mà bọn trẻ con buộc bằng một sợi dây và đôi khi thả ra để xem chúng bay cao đến tận đâu trong bầu trời. Và cái tên Waldo Blunt cũng căng phồng như một trong những quả bóng đó.

- Tôi lấy làm tiếc, ông bạn… Tôi đã không thể cung cấp được cho ông nhiều chi tiết về Gay.

Tôi cảm thấy y trĩu nặng buồn phiền và mệt nhọc, nhưng tôi vẫn giám sát y rất chặt vì tôi sợ chỉ một cơn gió nhỏ thổi qua cũng đủ bốc y bay lên, để tôi lại một mình với những câu hỏi của tôi.

VIII

Đại lộ chạy dọc theo trường đua ngựa Auteuit. Một bên là lối đi cho kị sĩ, bên kia là những khu nhà, tất cả xây theo cùng một mẫu và ngăn cách bởi những công viên nhỏ. Tôi đi qua trước những trại lính sang trọng ấy và chiếm lĩnh vị trí đối diện với ngôi nhà ở đó Gay Orlow đã tự tử. 25 đại lộ Thống Chế Lyautey. Ở tầng mấy? Từ bấy đến nay, chắc chắn đã thay bà gác cổng. Liệu có còn người nào ở khu nhà này đã từng gặp Gay Orlow trên cầu thang gác hoặc đã từng đi cùng thang máy với nàng? Hoặc giả có thể nhận ra tôi do đã thấy tôi đến đây luôn?

Hẳn đã có những tối nào đó, tôi đã leo lên cầu thang số nhà 25 đại lộ Thống chế Lyautey, tim đập rộn. Nàng đợi tôi. Cửa sổ nàng trông ra trường đua. Chắc chuyện lạ khi xem từ trên cao này các cuộc đua ngựa, thấy lũ ngựa và các jô-kê nhỏ xíu đi tới như những con giống diễu từ đầu này đến đầu kia các quầy bắn và nếu anh bắn đổ tất cả các mục, anh sẽ được giải độc đắc.

Hồi ấy, chúng tôi nói với nhau bằng tiếng gì nhỉ? Tiếng Anh chăng? Tấm ảnh với ông già Giorgiadzé có phải được chụp trong căn hộ này không? Một gã tên gọi Howard de Luz – tôi? – thuộc “một gia đình quí tộc” và là “người tâm sự với John Gillbert” và một cựu nữ sinh ở Maxkva, đã từng quen với Lucky Luciano thì có thể - nói những chuyện gì với nhau nhỉ?

Những con người kỳ lạ. Thuộc loại những kẻ chỉ để lại trên đường đi của mình một màng hơi nước mau chóng tan biến. Hutte và tôi thường trò chuyện về những con người mất dấu tích như thế. Một hôm nào đó, đột nhiên hiện lên từ hư vô để rồi trở lại sau đó khi bừng lên mấy đốm lấp lánh. Những hoa hậu. Đám đĩ đực. Những con hồ điệp. Phần lớn trong bọn họ, ngay khi sinh thời, cũng không nắm chắc gì hơn một làn hơi không bao giờ đọng lại. Như vậy, Huttle dẫn chứng với tôi một tay mà ông gọi là “người của những bãi tắm”. Người này đã qua bốn mươi năm của đời mình trên các bãi tắm hoặc bên những bể bơi trò chuyện một cách khả ái với những người nghỉ hè và đám nhà giàu nhà cư. Trong những góc và bối cảnh hàng nghìn tấm ảnh chụp trong vụ nghỉ, hắn mặc đồ tắm giữa những nhóm vui vẻ nhưng không ai có thể nói tên hắn là gì và tại sao hắn lại có mặt ở đó. Và không ai nhận thấy một hôm hắn bỗng biến đi khỏi các tấm ảnh. Tôi không dám nói với Hutte, nhưng tôi đã nghĩ “người của những bãi tắm” chính là tôi. Vả chăng, nếu tôi có thú thực vậy, hẳn ông cũng chẳng ngạc nhiên. Huttle thường nhắc đi nhắc lại rằng nói cho cùng tất cả chúng ta đều là những “người của bãi tắm” và “cát – tôi dẫn lời của chính ông – chỉ giữ lại vết chân ta có vài giây”.

Một mặt của khu giáp với một công viên có vẻ như bị bỏ mặc. Một lùm cây lớn, những bụi rậm, một bãi cỏ từ lâu không được tỉa xén. Một đứa nhỏ thui thủi chơi một mình, lặng lẽ trước đống cát, trong giờ cuối chiều rực nắng này. Tôi ngồi bên bãi cỏ và tôi ngẩng đầu nhìn khu nhà, tự hỏi không biết cửa sổ phòng Gay Orlow có mở về phía này.

IX

Đêm và ngọn đèn màu trắng sữa của trụ sở Hãng rọi một vệt sáng rực trên lớp da thuộc phủ mặt bàn giấy của Hutte. Tôi ngồi sau cái bàn giấy đó. Tôi tra cứu những cuốn Bóttin cũ, một số cuốn khác gần đây hơn và tôi lần lượt ghi những điều tìm được.

HOWARD DE LUZ (Jean Simely) và phu nhân, tên khai sinh là MABEL DONAHUE sinh ở Valbreuse. Orne. T.21 và phố Raynouard T.AVT 15-28.

- CGP – MA

Cuốn Bóttin thời lưu trong đó có tư liệu này là của khoảng ba mươi năm trước. Phải chăng đó là cha tôi?

Vẫn nguyên lời ghi này trong những cuốn Bóttin nhiều năm tiếp theo. Tôi tra danh mục các ký hiệu và chữ viết tắt.

= có nghĩa là huân chương chiến công

CGP = Câu lạc bộ Grand Pavois [8] MA – Motor Yacht (Du thuyền máy) Câu lạc bộ Bờ Biển Xanh và: người sở hữu thuyền buồm.

Nhưng mười mấy năm sau, biến mất những chỉ dẫn này: 23 phố Raynouard T.AVT 15-18. Cả MA cũng biến mất.

Năm sau nữa chỉ còn: HOWARD DE LUZ và phu nhân, tên khai sinh là MABEL DONAHUE sinh ở Valbreuse, Orne. T.21

Rồi chẳng còn gì nữa.

Tiếp đó, tôi tra những cuốn niêm giám của Paris mười năm gần đây. Ở cuốn nào, cái tên Howard de Luz cũng được nêu như sau:

HOWARD DE LUZ C.3 công viên Henri-Paté, 16c MOL 50-52. Một người anh (hoặc em) ruột? Một người anh (hoặc em) họ?

Không có mục ghi tương đương nào ở những cuốn Bóttin thời lưu cùng năm.

X

- Ông Howard đang đợi ông.

Đây chắc là bà chủ của cái hiệu ăn phố Bassano này: một phụ nữ tóc nâu, mắt sáng. Bà ta ra hiệu cho tôi đi theo, chúng tôi xuống một cầu thang và bà dẫn tôi về phía cuối phòng. Bà dừng lại ở một bàn có người đang ngồi một mình. Gã đứng dậy.

- Glaude Howard, gã tự giới thiệu.

Gã chỉ cho tôi chiếc ghế đối diện với gã. Chúng tôi ngồi xuống.

- Tôi đến trễ. Xin ông thứ lỗi.

- Chẳng quan trọng gì.

Gã nhìn chòng chọc vào mặt tôi, vẻ tò mò. Gã nhận ra tôi chăng?

- Cú điện thoại của ông làm tôi rất thắc mắc, gã nói.

Tôi mỉm cười với gã.

- Và nhất là sự quan tâm của ông đối với gia đình Howard de Luz… mà tôi là đại diện cuối cùng, thưa quí ông…

Gã nói câu này với một giọng châm biếm như tự giễu mình.

- Vả lại, tôi xưng danh vắn tắt với Howard thôi. Như thế đỡ rắc rối.

Gã chìa bảng thực đơn cho tôi.

- Ông không bắt buộc phải dùng những món giống tôi. Tôi là người viết thời luận về các món ăn… Tôi phải nếm những món đặc sản của cửa hàng… Tuyến ức bê và xốt cá…

Gã thở dài. Quả thật gã có vẻ chán nản.

- Tôi hết hơi rồi…Dù có chuyện gì xảy ra trong đời tôi, bao giờ tôi cũng bắt buộc phải ăn…

Người ta đã bưng ra cho gã một món patê bao. Tôi gọi một đĩa xá-lát và quả.

- Ông thật may mắn… Tôi thì phải ăn… Tối nay tôi phải viết bài… Tôi vừa ở chỗ cuộc thi Bộ Lòng Vàng… Tôi có chân trong ban giám khảo. Phải nhồi nhét một trăm bảy mươi cỗ lòng trong một ngày rưỡi…

Tôi không sao định được tuổi gã. Mái tóc rất nâu của gã được chải lật về đàng sau, mắt gã màu hạt dẻ và bộ mặt có một nét gì của dân da đen mặc dầu nước da gã trắng cực kỳ. Chỉ có hai chúng tôi ngồi trong cùng góc này của tiệm ăn được bố trí dưới tầng hầm với những ván gỗ lát màu xanh nhạt, vải xa-tanh và những đồ pha lê gợi đến một thế kỷ 18 dỏm.

- Tôi đã suy nghĩ về những điều ông nói với tôi qua điện thoại…. Cái tay Howard de Luz mà ông quan tâm chỉ có thể là ông anh họ Freddie của tôi.

- Ông cho là vậy thật ư?

- Tôi dám chắc thế. Nhưng tôi không biết anh ta mấy.

- Freddie Howard de Luz ấy à?

- Phải. Hồi nhỏ, chúng tôi có cùng chơi với nhau mấy lần.

- Ông có cái ảnh nào của ông ấy không?

- Chẳng có cái nào.

Gã nuốt một miếng patê bao và nén một cơn buồn nôn.

- Thậm chí cũng không phải là anh em thúc bá nữa kia… mà là cách bức hai, ba chi cơ… có rất ít Howard de Luz… Tôi nghĩ rằng chỉ có mấy chúng tôi mà thôi: cha tôi và tôi, với Freddie và ông nội anh ta… Đó là một gia đình Pháp ở đảo Maurice, ông biết đấy…

Gã đẩy dĩa thức ăn của mình bằng một cử chỉ mệt mỏi.

- Ông nội của Freddie lấy một phụ nữ Mỹ rất giàu…

- Mabel Donahue?

- Đúng thế… Hai ông bà có một cơ ngơi tuyệt vời tại Orne.

- Ở Valbreuse?

- Nhưng ông quả là một cuốn Bóttin sống, ông bạn thân mến.

Gã nhìn tôi, ngạc nhiên.

- Thế rồi sau đó, tôi nghĩ là họ đã mất sạch… Freddie sang Mỹ… Tôi không thể cung cấp cho ông những chi tiết cụ thể hơn… Mọi điều này, tôi chỉ được nghe nói lại mà biết… Thậm chí tôi cứ tự hỏi không biết Freddie còn sống hay không…

- Làm thế nào biết được điều đó?

- Nếu cha tôi ở đó… Chính nhờ ông mà tôi được tin tức của gia đình… Khốn thay…

Tôi rút trong túi ra tấm ảnh Gay Orlow chụp với ông già Giorgiadzé và chỉ cho gã người đàn ông giống tôi.

- Ông có biết tay này không?

- Không.

- Ông không thấy là anh ta giống tôi ư?

Gã cúi xuống tấm ảnh.

- Có thể, gã nói, không quả quyết.

- Còn người đàn bà tóc vàng, ông có biết không?

- Không.

- Vậy bà ta xưa là bạn thân của ông anh họ Freddie của ông đấy.

Đột nhiên, gã có vẻ nhớ ra điều gì.

- Khoan… tôi nhớ ra rồi… Freddie sang Mỹ… Và ở đó hình như anh ta trở thành người tâm sự của John Gilbert…

Người tâm sự của John Gilbert. Đây là lần thứ hai người ta cung cấp cho tôi chi tiết này, nhưng nó không giúp tôi tiến thêm được bao nhiêu.

- Tôi biết việc này vì hồi đó anh ta có gửi cho tôi một tấm bưu thiếp ở Mỹ…

- Ông có còn giữ tấm bưu thiếp đó không?

- Không, nhưng tôi còn thuộc lòng nội dung.

“Mọi sự đều ổn. Mỹ là một đất nước đẹp. Tôi đã tìm được việc làm: tôi là người tâm sự của John Gilbert. Gửi chú và ba chú những lời thân ái. Freddie”. Điều đó làm tôi ngạc nhiên…

- Ông không gặp lại ông ấy khi ông ấy trở về Pháp?

- Không. Thậm chí tôi không biết là anh ta đã trở về Pháp.

- Và bây giờ, nếu ông ta đứng trước mặt ông liệu ông có nhận ra không?

- Có lẽ không.

Tôi không dám gợi ý gã rằng Freddie Howard de Luz chính là tôi. Tôi chưa có một bằng chứng rõ ràng nào về điều đó, nhưng tôi vẫn hy vọng bền bỉ.

- Freddie mà tôi biết là cậu bé Freddie hồi mười tuổi… Cha tôi đưa tôi đến Valbreuse để chơi với cậu ta…

Người quản lí rượu trong tiệm dừng lại trước bàn chúng tôi và đợi Claude Howard chọn loại rượu mình ưng, nhưng gã này không biết đến sự hiện diện của bác ta đang đứng rất thẳng với tư thế một lính gác.

- Đế thú thật mọi điều với ông, tôi cho rằng Freddie đã chết…

- Không nên nói thế…

- Ông quan tâm đến cái gia đình bất hạnh của chúng tôi, thật là hảo tâm. Chúng tôi không may mắn… Tôi cho rằng tôi là kẻ sống sót duy nhất và ông hãy xem tôi phải làm gì để kiếm sống…

Gã giáng nắm đấm lên bàn trong khi những người phục vụ mang món cá xốt đến và bà chủ tiệm lại gần chúng tôi với nụ cười đon đả.

- Thưa ông Howard… Cuộc thi Bộ Lòng Vàng năm nay diễn ra tốt đẹp chứ ạ?

Nhưng gã không nghe thấy và cúi đầu về phía tôi.

- Nói cho cùng, gã bảo tôi, lẽ ra chúng tôi không nên rời đảo Maurice bao giờ.

XI

Một cái ga nhỏ, vàng và xám, hai bên có rào chắn bằng xi măng và đằng sau những rào chắn ấy là cái sân ke nơi tôi từ xe lửa bánh hơi bước xuống. Quảng trường trước ga vắng teo, chỉ có một thằng bé đang chơi giày trượt dưới hàng cây ở khoảng nền đắp cao.

Cả mình nữa, mình cũng đã từng chơi ở đây, tôi nghĩ thầm. Cái quảng trường yên tĩnh này quả có nhắc nhớ tôi một cái gì. Ông nội Howard de Luz của tôi thường đến kiếm tôi ở chuyến tàu Paris hay ngược lại. Những chiều mùa hè, tôi ra đón ông ở sân ke nhà ga cùng với bà tôi hồi con gái tên là Mabel Donahue.

Cách một quãng nữa, một con đường, rộng như quốc lộ nhưng rất hiếm xe cộ qua lại. Tôi đi dọc theo một công viên cũng quây bởi những hàng rào xi măng như tôi đã thấy ở quảng trường nhà ga.

Phía bên kia đường, mấy kho hàng dưới một thứ sân có mái che. Một rạp chiếu bóng. Rồi một lữ quán khuất dưới những vòm lá ở góc một đại lộ dốc lên thoai thoải. Tôi đi luôn vào đó không do dự vì tôi đã nghiên cứu trước bản đồ Valbreuse. Đầu đại lộ chạy giữa hai hàng cây đó, một bức tường quây và một cổng sắt trên đó có đóng một tấm biển gỗ mọt ruỗng với hàng chữ mà tôi phải đoán tới một nửa mới đọc ra: QUẢN LÍ ĐẤT ĐAI. Đằng sau hàng rào sắt, trải ra một bãi cỏ để hoang. Tận trong cùng, một tòa nhà dài bằng gạch và đá, kiểu Louis XIII. Chính giữa tòa nhà, nhô lên một chòi cao hơn hai cánh một tầng, và mặt tiền, ở mỗi đầu, được hoàn chỉnh bằng hai chòi ngang, trên có mái vòm. Tất cả các cánh cửa sổ đều đóng.

Một cảm giác hoang vắng xâm chiếm tôi: có lẽ tôi đang đứng trước tòa lâu đài tôi đã sống thời thơ ấu của mình. Tôi đẩy cổng sắt và mở được không khó khăn gì. Từ bao lâu rồi tôi không bước qua ngưỡng cửa này? Bên phải, tôi nhận thấy một nhà gạch có lẽ trước kia là chuồng ngựa.

Cỏ cao đến bắp chân tôi và tôi cố qua bãi cỏ thật nhanh, hướng về phía lâu đài. Cái tòa nhà lặng lẽ này càng làm tôi bồn chồn. Tôi sợ phát hiện ra đằng sau mặt tiền, chẳng còn gì khác ngoài cỏ mọc cao và những mảng tường đổ rụn.

Có ai gọi tôi. Tôi quay lại. Đằng kia, trước dãy chuồng ngựa, một người đang khoa tay. Y đi về phía tôi và tôi đứng sững ra nhìn y, giữa đám cỏ như rừng. Một người khá cao, to đùng, mặc đồ nhung xanh.

- Ông muốn gì?

Y dừng lại cách tôi mấy bước. Một người tóc nâu để ria.

- Tôi muốn tìm hiểu về ông Howard de Luz.

Tôi tiến lên. Có thể y sắp nhận ra tôi chăng? Mỗi lần tôi đều hy vọng thế và lần nào tôi cũng thất vọng.

- Ông Howard de Luz nào?

- Freddie.

Tôi buông cái tên “Freddie” bằng một giọng lạc đi như thể tôi phát âm chính tên mình sau bao năm quên bẵng.

Y giương tròn xoe mắt.

- Freddie…

Lúc này, tôi thực sự tin rằng y gọi tôi bằng tên tôi.

- Freddie? Nhưng cậu ấy không còn ở đây nữa…

Không, y không nhận ra tôi. Không có ai nhận ra tôi cả.

- Đích xác ra, ông muốn gì?

- Tôi muốn biết Freddie Howard de Luz ra sao rồi.

Y nhìn chòng chọc vào mặt tôi, vẻ nghi hoặc, và thọc một tay vào túi quần. Y sắp rút ra một thứ vũ khí và dọa tôi đây. Nhưng không, y rút trong túi ra một chiếc khăn tay để lau mồ hôi trán.

- Ông là ai?

- Tôi quen Freddie ở bên Mỹ hồi đã lâu và tôi muốn biết tin ông ấy.

Nghe câu nói phịa ấy, mắt y sáng lên.

- Ở bên Mỹ? Ông quen cậu Freddie bên Mỹ ư?

Cái tên “Mĩ” dường như làm y đâm ra mơ mộng. Tôi tin rằng y sẵn sàng ôm hôn tôi vì y có vẻ rất biết ơn tôi đã quen Freddie ở “bên Mĩ”.

- Bên Mĩ? Vậy là ông quen cậu ấy hồi cậu ấy là người tâm sự của… của…

- Của John Gilbert.

Mọi nghi ngờ của y tan biến.

Y nắm lấy cổ tay tôi.

- Ông lại đây.

Y kéo tôi về phía tay trái, dọc theo tường quây, nơi cỏ mọc thấp hơn và lờ mờ một vệt đường cũ.

- Tôi không được tin gì về cậu Freddie từ lâu lắm rồi, y nói với tôi, bằng một giọng nghiêm trang.

Bộ đồ nhung xanh của y đã mòn xơ ra ở nhiều chỗ ở cả hai vai, hai khuỷu tay, hai đầu gối đều được khâu đệm bằng những miếng da.

- Ông là người Mĩ.

- Vâng.

- Cậu Freddie có gửi cho tôi nhiều bưu thiếp từ Mĩ.

- Bác còn giữ đấy chứ?

- Tất nhiên.

Chúng tôi đi về phía lâu đài.

- Ông chưa bao giờ đến đây? Y hỏi tôi.

- Chưa bao giờ.

- Nhưng tại sao ông biết được địa chỉ?

- Nhờ một người em họ của Freddie tên là Claude Howard de Luz.

- Không biết.

Chúng tôi tới trước một trong hai cái chòi có mái vòm mà tôi đã nhận thấy ở hai đầu mặt tiền tòa lâu đài. Chúng tôi đi quanh cái chòi. Y chỉ cho tôi một cửa nhỏ:

- Cửa này là lối vào duy nhất.

Y xoay một chiếc chìa trong ổ khóa. Chúng tôi bước vào. Y dẫn tôi qua một gian phòng tối và trống không, rồi theo một hành lang. Chúng tôi đâm ra một gian phòng khác có những kính lắp màu khiến nó có vẻ như một nhà thờ nhỏ hoặc một khu vườn mùa đông.

- Đây là phòng ăn mùa hè, y bảo tôi.

Không có đồ đạc gì ngoài cái đi-văng cũ bọc nhung đã sờn và chúng tôi ngồi xuống đó. Y rút trong túi ra một cái tẩu và bình thản châm thuốc. Những ô kính màu để lọt qua ánh sáng trời đã nhuộm một sắc xanh nhạt.

Tôi ngẩng đầu lên và nhận thấy trần cũng màu lơ nhạt điểm vài vệt sáng hơn: mây. Y nhìn theo luồng mắt tôi.

- Chính cậu Freddie đã quét vôi trần và tường.

Bức tường duy nhất của gian phòng quét vôi màu ve và người ta thấy trên đó một cây cọ gần như đã bị xóa mờ. Tôi cố hình dung gian phòng này ngày xưa, khi chúng tôi thường dùng bữa ở đấy. Cái trần mà tôi đã vẽ bầu trời lên đó. Bức tường mà tôi muốn điểm một nốt nhiệt đới bằng cây cọ. Những ô kính màu qua đó một ánh trời phơn phớt xanh rớt xuống mặt chúng tôi. Nhưng những gương mặt ấy như thế nào nhỉ?

- Đây là gian phòng duy nhất người ta còn có thể đến được, y bảo tôi. Tất cả các cửa khác đều niêm phong.

- Tại sao?

- Nhà bị tạm giữ.

Câu nói làm tôi lạnh toát người.

- Họ đã tạm giữ mọi thứ, nhưng tôi thì họ còn để đó.

- Cho đến bao giờ?

Y rít tẩu thuốc và lúc lắc đầu.

- Thi thoảng, có một cha ở chỗ Đất đai đến thanh tra. Có vẻ họ chưa đi đến một quyết định.

- Ai kia?

- Ban Đất Đai.

Tôi không hiểu rõ y muốn nói gì, song tới nhớ đến dòng chữ ghi trên tấm biển gỗ mục: “Quản lí Đất Đai”.

- À, phải… Tôi đến làm ở đây từ độ Howard de Luz chết… Ông nội cậu Freddie ấy… Tôi trông nom vườn và lái xe cho bà chủ… Bà nội cậu Freddie ấy mà…

- Còn ông bà thân sinh ra Freddie?

- Tôi chắc hai ông bà mất từ hồi trẻ. Cậu được ông bà nội nuôi.

Vậy là tôi được ông bà nội nuôi. Sau khi ông tôi mất, chúng tôi ở đây một mình, cùng bà tôi, hồi con gái tên là Mabel Donahue, và người đàn ông này.

- Tên bác là gì? Tôi hỏi.

- Robert.

- Freddie gọi bác thế nào?

- Bà nội cậu gọi tôi là Bob. Bà cụ là người Mỹ mà. Cậu Freddie cũng gọi tôi là Bob.

Cái tên Bob ấy không gợi cho tôi cái gì hết. Nhưng, nói cho cùng, cả y cũng không nhận ra tôi.

- Sau đó, bà nội cậu mất. Hồi đó, nhà cũng đã chẳng sung túc gì về mặt tài chính… Ông nội cậu Freddie đã phá tan hết gia sản của vợ… Một gia sản Mĩ rất đồ sộ…

Y ung dung rít tẩu và những sợi khói xanh lơ bay lên trần. Cái gian phòng này với những ô kính màu lớn và những nét vẽ của Freddie – của tôi? – trên tường và trần chắc là một chỗ náu cho chàng trai trẻ.

- Sau đó, cậu Freddie biến mất… Chẳng báo trước gì hết… Tôi không biết chuyện gì đã xảy ra. Nhưng họ bèn tạm giữ hết.

Một lần nữa, lại cái từ “tạm giữ”, như một cánh cửa đóng sầm lại một cách thô bạo trước mặt mình giữa lúc mình định bước qua.

- Và từ đó, tôi cứ chờ… Tôi không biết họ định làm gì tôi… Dù sao, họ cũng không thể tống tôi ra khỏi cửa.

- Bác ở đâu?

- Trong chuồng ngựa cũ. Ông nội cậu Freddie đã cho dọn dẹp chỗ ấy.

Y quan sát tôi, chiếc tẩu cắn giữa hai hàm răng.

- Còn ông? Hãy kể tôi nghe ông đã quen cậu Freddie ở bên Mĩ như thế nào đi?

- Ồ… chuyện rất dài…

- Ông có muốn ta đi dạo một chút không? Tôi sẽ chỉ cho ông xem khu vườn ở mé này.

- Sẵn sàng.

Y mở một cửa sổ sát đất và chúng tôi xuống mấy bậc đá. Chúng tôi đứng trước một bãi cỏ giống như bãi cỏ hồi nãy tôi đã định băng qua để tới chỗ lâu đài, nhưng ở đây cỏ thấp hơn nhiều. Tôi rất ngạc nhiên thấy phần sau lâu đài không chút tương xứng với mặt tiền: nó được xây bằng đá xám. Mái cũng không giống: mé bên này lỉnh kỉnh những vạt sắt và đầu hồi, thành thử các nơi ở này mới nhìn thì có dáng dấp một tòa lâu đài kiểu Louis 13 nhưng đằng sau lại giống những nhà nghỉ mát ở bãi biển hồi cuối thế kỉ 19 mà Biarritz còn sót lại một vài tiêu mẫu hiếm hoi.

- Tôi cố gắng bảo quản một chút cả mé vườn bên này, y nói. Nhưng với một người độc lực thì cũng khó.

Chúng tôi theo một lối đi rải sỏi dọc mép bãi cỏ. Bên trái chúng tôi, nhưng bụi rậm cao bằng đầu người được xén tỉa cẩn thận. Y chỉ cho tôi thấy:

- Mê hồn trận. Ông nội Freddie trồng đấy. Tôi cố hết sức chăm nom. Phải có một cái gì vẫn nguyên như trước chứ.

Chúng tôi đi vào “mê hồn trận” bằng một lối ngang và chúng tôi phải cúi xuống vì lá xanh kết thành vòm thấp. Nhiều lối đi đan chéo nhau, có những ngã tư, những bùng binh, những chỗ rẻ vòng cung hoặc thẳng góc, những ngõ cụt, một cây duyên con với một băng ghế bằng gỗ xanh…Hồi nhỏ, chắc tôi đã chơi trốn tìm ở đây với ông nội tôi hoặc bạn cùng tuổi và giữa cái mê cung thần diệu ngát mùi cây râm và thông này, hẳn tôi đã trải qua những thời khắc đẹp nhất của đời mình. Khi chúng tôi ra khỏi khu vườn mê cung, tôi không kiềm được, bật ra nói với người dẫn đường:

- Thật kì cục… Cái mê cung này nhắc tôi nhớ đến một điều gì…

Nhưng hình như y không nghe thấy tôi nói.

Bên rìa bãi cỏ, một cái xà móc cũ đã gỉ có treo hai cái đu.

- Ông cho phép…

Y ngồi lên một cái đu và châm lại tẩu thuốc. Tôi chiếm lĩnh cái kia. Mặt trời đang lặn bao quanh bãi cỏ và những bụi cây của vườn mê cung một làm ánh sáng êm dịu màu da cam. Và lớp đá xám của lâu đài cũng lổ đổ cùng một thứ ánh sáng đó.

Tôi chọn lúc này để chìa cho y tấm ảnh chụp Gay Orlow, ông già Giorgiadzé và tôi.

- Bác có biết những người này không?

Y xem xét tấm ảnh hồi lâu, không rút tẩu ra khỏi miệng.

- Cô này, tôi biết lắm.

Y dí ngón tay trỏ dưới mặt Gay Orlow.

- Ả người Nga…

Y nói vậy bằng một giọng mơ màng và thích thú.

- Ông ngỡ tôi không biết ả, cái ả người Nga ấy…

Y rộ lên một nhịp cười ngắn.

- Những năm cuối, cậu Freddie thường đến đây cùng với cô ả luôn… Một ả trời đánh... Một ả tóc vàng… Tôi có thể nói với ông rằng ả uống rượu “xếch”… Ông cũng biết ả?

- Vâng, tôi nói. Tôi đã gặp cô ta cùng với Freddie ở bên Mĩ.

- Cậu ấy quen ả từ bên Mĩ hả?

- Phải.

- Chính ả là người có thể mách cho ông biết cậu Freddie hiện ở đâu… Phải hỏi ả…

- Còn cái tay tóc nâu này này, bên cạnh cô người Nga là ai…

Y cúi xuống sát tấm ảnh hơn, nhìn thật kĩ. Tim tôi đập mạnh.

- Ừ mà phải… Tôi cũng biết gã ta… khoan… Ờ phải… Đó là một người bạn của Freddie… Gã đến đây cùng với cậu Freddie, ả người Nga và một cô gái nữa… Tôi chắc đấy là một người Nam Mĩ hoặc đại loại như thế…

- Bác không thấy anh ta giống tôi ư?

- Phải… Tại sao không? Y nói, không lấy gì làm tự tin.

Đó, thế là rõ, tôi không phải tên là Freddie Howard de Luz. Tôi nhìn bãi cỏ mọc cao rậm chỉ còn nhuốm ánh mặt trời tà ở ngoài rìa. Không bao giờ tôi từng khoát tay một bà nội người Mĩ dạo chơi theo bãi cỏ này. Thuở nhỏ, không bao giờ tôi từng chơi trong vườn “mê cung” ấy. Cái xà móc gì này với những cái đu của nó không phải đã được dựng cho tôi. Đáng tiếc.

- Bác bảo Nam Mĩ à?

- Phải… Nhưng gã nói tiếng Pháp thạo như ông và tôi ấy…

- Và bác thường thấy anh ta ở đây?

- Nhiều lần.

- Làm sao bác biết anh ta là người Nam Mĩ?

- Bởi vì một hôm, tôi đưa xe lên kiếm gã ở Paris để chở về đây. Gã đã hẹn tôi đến chỗ gã làm việc… Trong một đại sứ quán Nam Mĩ…

- Sứ quán nào?

- Đến đoạn này thì ông hỏi quá tầm hiểu biết của tôi…

Tôi cần phải làm quen với sự thay đổi này. Tôi không còn là con cháu một gia đình có tên trong mấy cuốn Bottin thời lưu nữa và cả trong niên giám năm nay, mà là một gã Nam Mĩ mà tung tích còn khó dò tìm hơn gấp bội.

- Tôi cho đó là một người bạn thời niên thiếu của Freddie…

- Anh ta đến đây cùng với một người đàn bà?

- Vâng. Hai ba lần. Một phụ nữ Pháp. Họ đến cùng với ả người Nga và cậu Freddie, cả bốn… Sau khi bà nội cậu mất…

Y đứng dậy.

- Ông có muốn ta quay về không? Bắt đầu lạnh rồi…

Đêm đã gần buông và chúng tôi lại ở trong “phòng ăn mùa hè”.

- Đây là phòng ưa thích của Freddie… Buổi tối, cậu ngồi lại đó rất khuya với ả người Nga, gã Nam Mĩ và cô kia…

Chiếc đi-văng chỉ còn là một vệt nhàn nhạt và trên trần, những cái bóng cắt nhau thành mạng mắt cáo và những hình thoi. Tôi cố bắt dư âm những buổi tối xa xưa của chúng tôi, nhưng vô ích.

- Họ đã đặt một bàn bi-a ở đây… Chủ yếu là cô bạn gái của gã Nam Mĩ chơi bi-a… Lần nào cô ta cũng thắng… Tôi có thể nói với ông thế bởi vì tôi đã chơi với cô ta nhiều ván… Này, bàn bi-a vẫn còn đấy…

Y kéo tôi vào một hành lang tối, bật một cái đèn pin và chúng tôi đâm ra một đại sảnh lát đá, nơi khởi điểm của một cầu thang đồ sộ.

Dưới gầm cầu thang, quả nhiên tôi nhận thấy một bàn bi-a. Y soi đèn vào đó. Một viên trắng nằm ở giữa như thể ván chơi bị ngắt quãng và sắp tiếp tục trong chốc lát. Và Gay Orlow, hoặc tôi, hoặc Freddie, hoặc người đàn bà Pháp bí ẩn theo tôi đến đây, hoặc Bob, đã cúi xuống để ngắm.

- Ông thấy bàn bi-a vẫn ở đấy…

Y lia đèn lên những bậc cầu thang đồ sộ.

- Chả bõ gì mà lên gác, vô ích… Họ niêm phong cả rồi…

Tôi nghĩ Freddie có một phòng ở trên đó. Một phòng hồi nhỏ, rồi một hồi thanh niên với những giá sách, những tấm ảnh dán trên trường và – biết đâu? – trên một tấm lại chả có cả bốn chúng tôi hoặc Freddie và tôi bá vai bá cổ nhau. Y dựa vào bàn bi-a để châm lại tẩu thuốc. Tôi, tôi không thể không ngắm cái cầu thang lớn chả bõ leo lên làm gì vì trên đó, tất cả đều đã bị “niêm phong”.

Chúng tôi đi ra theo lối cửa ngách nhỏ mà y đóng lại, hai vòng chìa khoá. Trời tối đen.

- Tôi phải đáp tàu về lại Paris, tôi bảo y.

- Đi với tôi.

Y nắm chặt cánh tay tôi, dẫn dọc theo bức tường rào. Chúng tôi đến trước chuồng ngựa cũ. Y mở một cánh cửa kính và thắp một cây đèn dầu.

- Họ cắt điện đã từ lâu. Nhưng họ quên không cúp nước…

Chúng tôi ở trong một gian phòng, giữa có một bàn gỗ sẫm màu và những chiếc ghế mây. Trên tường, những chiếc đĩa sứ và đĩa đồng. Một cái đầu lợn lòi nhồi rơm phía trên khung cửa sổ.

- Tôi muốn tặng ông một món quà.

Y đi về phía một cái tủ ở cuối phòng và mở ra. Y rút ra một chiếc hộp, đặt lên bàn, nắp hộp ghi dòng chữ này: “Bích-qui Lefebvre Hữu Ích – Nantes”. Rồi y đứng sừng sững trước mặt tôi.

- Ông là bạn của Freddie hả? Y nói với tôi, giọng xúc động.

- Vâng.

- Thế thì tôi sẽ cho ông cái này…

Y chỉ cho tôi cái hộp.

- Đó là những kỷ niệm về Freddie… Những thứ lặt vặt mà tôi đã cứu được khi họ đến tạm giữ nhà này…

Y xúc động thật sự. Thậm chí tôi cho là y rưng rưng nước mắt nữa.

- Tôi rất yêu quí cậu ấy… Tôi biết cậu ấy từ hồi còn nhỏ… Đó là một người mơ mộng… Cậu cứ nhắc đi nhắc lại với tôi rằng cậu sẽ mua một cái thuyền buồm… cậu ấy bảo tôi: “Bob, anh sẽ là thuyền phó của tôi…” Có trời biết hiện giờ cậu ở đâu… nếu như cậu còn sống.

- Ta sẽ tìm lại được thôi, tôi bảo y.

- Cậu ấy được bà nội chiều quá, ông hiểu không…

Y cầm chiếc hộp đưa cho tôi. Tôi nghĩ đến Stioppa dè Djagoriew và chiếc hộp đỏ mà lão cũng đã cho tôi. Rành là mọi sự đều kết thúc trong những hộp đựng sôcôla hoặc bích qui. Hoặc xì-gà.

- Cảm ơn.

- Tôi đưa ông ra tàu.

Chúng tôi theo một lối đi trong rừng và y chiếu đèn ra phía trước chúng tôi. Liệu y có nhầm đường không? Tôi có cảm giác là chúng tôi đang đi sâu vào tận rừng thẳm.

- Tôi đang cố nhớ tên người bạn của Freddie. Cái tay mà ông chỉ cho tôi trong ảnh ấy… Gã người Nam Mĩ…

Chúng tôi đi qua một khoảng rừng trống, cỏ như phát lân quang dưới ánh trăng. Đằng kia, một lùm cây thông có tán. Y đã tắt đèn pin vì ở chỗ này, chúng tôi nhìn rõ gần như giữa ban ngày.

- Chính đây là nơi Freddie thường đi ngựa với một người khác… Một gã jô-kề… Cậu ấy không bao giờ nói với ông về jô-kề ấy ư?

- Không bao giờ.

- Tôi không còn nhớ tên gã… Vậy mà dạo xưa, gã đã từng nổi tiếng… Gã đã từng là jô-kề của ông nội cậu Freddie khi ông cụ còn cả một chuồng ngựa đua.

- Anh chàng Nam Mĩ cùng biết gã jô-kê ấy chứ?

- Dĩ nhiên. Họ cùng đến đây cả. Gã jô-kề chơi bi-a với những người khác. Thậm chí tôi nghĩ rằng chính gã đã giới thiệu ả người Nga với cậu Freddie…

Tôi sợ không nhớ hết các chi tiết ấy. Đáng lẽ phải ghi ngay vào một cuốn sổ tay.

Đường dốc lên thoai thoải và tôi bước đi khó khăn vì lớp đá khô khá dày.

- Thế nào, bác nhớ ra tên anh chàng Nam Mĩ chưa?

- Khoan… Khoan… tôi sắp nhớ ra…

Tôi ghì cái hộp bích-qui sát bên hông và tôi sốt ruột muốn biết trong đó có gì. Rất có thể tôi sẽ tìm thấy một số giải đáp cho những câu hỏi của mình. Tên tôi. Hoặc tên gã jô-kề chẳng hạn.

Chúng tôi đến ngồi cạnh một bờ dốc và chỉ còn xuống đoạn này là đến quảng trường nhà ga. Nhà ga có vẻ vắng ngắt với cái phòng rộng rực rỡ ánh đèn nê-ông. Một người đi xe đạp từ từ băng qua quảng trường và dừng lại trước cửa nhà ga.

- Khoan… tên gã là Pedro…

Chúng tôi vẫn đứng bên bờ dốc. Y lại lấy tẩu ra và nạo bằng một thứ dụng cụ nhỏ bí ẩn. Tôi thầm nhắc đi nhắc lại cái tên được đặt cho tôi từ lúc lọt lòng, cái tên mà người ta đã dùng gọi tôi suốt một quãng đời và gợi lên khuôn mặt tôi với một số người: Pedro.

XII

Chẳng có gì nhiều nhặn trong hộp bích-qui. Một chú lính chì sứt sẹo với một cái trống. Một nhánh cỏ bốn lá dán ở giữa một chiếc phong bì trắng. Những tấm ảnh.

Tôi có mặt trên hai tấm ảnh. Không nghi ngờ gì nữa, đó vẫn là anh chàng mà ta thấy bên cạnh Gay Orlow và ông già Giorgiadzé. Một gã tóc nâu cao lớn, tôi đấy, chỉ khác mỗi cái là bây giờ tôi không để ria. Trên một tấm, tôi chụp cùng với một gã khác cũng trẻ như tôi, cao như tôi nhưng tóc sáng hơn. Freddie chăng? Đúng thế, vì ở mặt sau ảnh, có ai đã ghi bằng bằng bút chì: “Pedro-Freddie – La Baule”. Chúng tôi đứng cạnh biển, mỗi người mang một cái áo choàng bãi tắm. Có vẻ là một tấm ảnh rất xa xưa.

Trên tấm ảnh thứ hai, bọn tôi có bốn người: Freddie, tôi, Gay Orlow mà tôi dễ dàng nhận ra và một thiếu phụ khác, tất cả ngồi bệt xuống đất, dựa lưng vào chiếc đi văng bọc nhung đỏ ở phòng ăn mùa hè. Bên phải, có thể thấy chiếc bàn bi-a.

Một tấm ảnh thứ ba chụp người thiếu phụ mà ta thấy cùng với chúng tôi ở phòng ăn mùa hè. Nàng đứng trước bàn bi-a, hai tay cầm chiếc gậy dùng để chơi trò này. Tóc màu sáng rủ xuống dưới bờ vai. Cô nàng mà tôi thường đưa đến toà lâu đài của Freddie chăng? Trên một tấm ảnh khác, nàng đứng tì khuỷu tay trên lan can ngoài hiên.

Một tấm bưu thiếp, đề địa chỉ “Ông Robert Brun ở nhà Howard de Luz. Vallbreuse Orne, giới thiệu một cảnh cảng New York. Người ta đọc thấy:

“Bob thân mến. Gởi lời chào thân ái từ New York. Hẹn sớm gặp lại, Freddie.”

Một tài liệu kỳ lạ mang những dòng in đầu trang: Consulado General de la Republica Argentina (Tổng lãnh sự quán nước Cộng Hoà Áchentina) – Số 106.

Tổng lãnh sự quán nước Cộng Hoà Áchentina ở Pháp, chịu trách nhiệm về Lợi ích Hy Lạp ở vùng chiếm đóng, chứng thực rằng trong Thế Chiến 1914 – 1918, kho tư liệu lưu trữ của toà thị chính Salonique đã bị cháy trụi.

Paris, ngày 15 tháng 7 năm 1914

Tổng lãnh sự quán nước Cộng Hoà Áchentina chịu trách nhiệm về Lợi ích Hy Lạp.

Một chữ ký, dưới có ghi rõ:

R.L de Oliveira Cezaar

Tổng lãnh sự

Tôi ư? Không. Ông ta đâu có tên là Pedro.

Một mảnh cắt từ báo ra:

TÀI SẢN TẠM GIỮ CỦA HOWARD DE LUZ

Bán đấu giá công cộng

theo yêu cầu

của Ban quản lí Đất đai

tại Valbreuse (Orne) Lâu đài Saint – Lazare

ngày 7 và 11 tháng 4. Bán:

Một lô đồ đạc quan trọng

Mỹ phẩm và đồ gỗ cổ và hiện đại

Tranh – Đồ sứ – Đồ gốm

Thảm – Chăn nệm – Quần áo trong nhà

Dương cầm cánh dơi Erard

Tủ lạnh, v.v…

Trưng bày: ngày thứ bảy 6 – 4, từ 14g đến 18g

và buổi sáng những hôm bán từ 10g đến 12g.

Tôi mở chiếc phong bì có dán nhánh cỏ bốn lá. Trong đó có bốn tấm ảnh nhỏ cùng cỡ với loại mà người ta gọi là “Photomaton”: một tấm chụp Freddie, tấm kia chụp tôi, tấm thứ ba là Gay Orlow và tấm thứ tư, người thiếu phụ tóc màu sáng.

Tôi còn thấy một tấm hộ chiếu còn để khống của Cộng Hoà Đôminích.

Tình cờ lật mặt sau tấm hình người thiếu phụ tóc màu sáng, tôi đọc thấy mấy chữ dưới đây ghi bằng mực xanh, cũng vẫn nét chữ tháu như trong tấm bưu thiếp gửi từ Mỹ: PEDRO: ANJon 15 – 28.

XIII

Cái số điện thoại đã từng là số máy của tôi hiện còn có trong bao nhiêu cuốn sổ ghi nữa? Phải chăng đó chỉ là số dây nói của một văn phòng, nơi người ta chỉ có thể gọi tôi vào một buổi chiều?

Tôi quay số ANJon 15 – 18. Chuông đổ liên hồi nhưng không có ai trả lời. Liệu có còn dấu vết gì của tôi trong cái căn hộ hoang vắng đó, căn phòng từ lâu không người ở, nơi chiều nay chuông điện thoại réo hoài vô vọng?

Thậm chí tôi khỏi cần phải gởi phòng chỉ dẫn làm gì. Tôi chỉ cần rướn căng bắp chân cho quay chiếc ghế bành da của Hutte. Trước mặt tôi, những dây Bottin và niên giám. Một cuốn trong số đó, nhỏ hơn những cuốn khác, được đóng bằng da dê in màu ve nhạt. Đó đích thị là cuốn tôi cần. Tất cả những số điện thoại có ở Paris từ ba mươi năm nay đều được liệt kê trong đó, kèm theo địa chỉ.

Tôi giở các trang, tim đập thình thình. Và tôi đọc thấy:

ANJon 15 – 28 – 10 bis phố Canbacérès, Q.8

Nhưng cuốn Bottin sắp theo tên đường phố của năm ấy lại không nhắc gì đến số điện thoại ấy.

CAMBACÉRÈS (phố)

Q.8

10 bis HỘI ÁI HỮU NHỮNG THỢ MÀI KIM CƯƠNG MIR 18 – 16

KHÂU MAY – THỜI TRANG ANJ 32 – 49

PILGRAM (Hélène) ELY 05 – 31

REBBINDER (Hãng) MIR 12 – 08

REFUGE (de) ANJ 50 – 52

S.E.F.I.CMIR 74 – 31

MIR 74 – 32

MIR 74 – 33

XIV

Một anh chàng tên là Pedro. ANJon 15 – 10 bis, phố Cambacérès, quận 8.

Xưa hình như gã làm việc ở một toà công sứ Nam Mỹ. Chiếc đồng hồ quả lắc mà Hutte để lại trên bàn giấy chỉ hai giờ sáng. Bên dưới, đại lộ Niel, hoạ hoằn mới có vài chiếc xe qua lại và đôi khi tôi nghe thấy tiếng phanh kít khi đèn đỏ bật.

Tôi giở những cuốn Bottin mà ở trên đầu có danh sách các sứ quán và các đoàn đại diện với các thành viên.

Cộng hoà Đôminích

Đại lộ Messine, 21 (Q.8) CaRNot 10 – 18

N… Đặc phái viên và công sứ đặc mệnh toàn quyền. Tiến sĩ Gustavo J.Henriquez. Bí thư thứ nhất.

Tiến sĩ Salcador E. Paradas. Bí thư thứ hai (và phu nhân), phố Alsace, 41 (Q.10).

Tiến sĩ Bienvenido Carrosco. Tuỳ viên, phố Descamps, 45 (Q.16), điện thoại: TRO 42 – 91.

Vênêzuêla

Phố Copemic, 11 (Q.16), PASsy 72 – 29.

Công sứ quán: phố la Pompe, 115 (Q.16), PASsy 10 – 89

Tiến sĩ Carlo Aistimuno Coll. Đặc phái viên và công sứ đặc mệnh toàn quyền.

Jaime Picon Fegres. Tham tán.

Antonio Maturib. Bí thư thứ nhất.

Antonio Brinno. Tuỳ viên.

Đại tá H. Lopez – Mendez. Tuỳ viên quân sự.

Pedro Saloaga. Tuỳ viên thương mại.

Goatêmala.

Quảng trường Joffre, 12 (Q. 7), điện thoại: SEGur 09 – 59

Adam Maurisque Rios. Tham tán đại diện lâm thời.

Ismael Gonzalez Arevalo. Bí thư.

Frederico Murgo. Tuỳ viên.

Êcuador

Đại lộ Wagram, 91 (Q.17), điện thoại: ETOde 17 – 89

Gonzalo Zaldumbido. Đặc phái viên và công sứ đặc mệnh toàn quyền (và phu nhân).

Alberto Puig Arosemena. Bí thư thứ nhất (và phu nhân)

Alfredo Gangotena. Bí thư thứ ba (và phu nhân)

Carlos Guzman. Tuỳ viên (và phu nhân).

Victor Zevallos. Tham tán (và phu nhân), đại lộ Iéna, 21 (Q.16).

El Savador

Riquez Vega. Đặc phái viên

Thiếu tá J.H.Wishaw. Tuỳ viên quân sự (và con gái)

F. cappurro. Bí thư thứ nhất.

Luis…

Những con chữ nhảy múa. Tôi là ai?

XV

Rẽ sang trái, bạn sẽ ngạc nhiên vì sự tịch lặng và trống trải ở đoạn đường này của phố Cambacèrès. Không một chiếc xe. Tôi đi qua trước cửa một khách sạn và chói mắt vì một cây đèn chùm lấp lánh tất cả các bóng pha lê của nó trong hành lang liền với cửa vào. Có ánh nắng.

Số 10 bis là một ngôi nhà hẹp bốn tầng lầu. Lầu một có nhiều cửa sổ cao. Một cảnh sát đứng canh ở vỉa hè đối diện.

Một cánh cửa của ngôi nhà để mở, rote thời gian bật. Một phòng ngoài dài, tường xám. Phía trong cùng, một cửa với những ô kính nhỏ, tôi kéo ra khó khăn vì chét gỉ. Một cầu thang không rải thảm dẫn lên các tầng trên.

Tôi dừng lại trước cửa lầu một. Tôi đã quyết định hỏi những người thuê nhà ở tầng lầu xem số điện thoại ANJon 15 – 28 đã có thời kỳ nào là của họ không và cổ họng tôi thắt lại vì tôi biết cách thức tiến hành của mình thật kỳ. Trên cửa, một tấm biển đồng, tôi đọc thấy: HÉLÈNE PILGRAM.

Một hồi chuông mảnh và mòn đến nỗi chỉ nghe thấy từng lúc. Tôi ấn ngón tay trỏ trên nút thật lâu. Cửa hé ra, gương mặt một người đàn bà tóc ngả màu tro xám và cắt ngắn hiện ra ở khe cửa.

- Thưa bà… Tôi muốn hỏi thăm…

Bà ta dõi cặp mắt rất trong sáng nhìn tôi trân trân. Không thể đoán được tuổi bà. Ba mươi, năm mươi?

- Số điện thoại cũ của bà có phải là ANJon 15 – 28 không ạ?

Bà ta cau mày.

- Phải. Tại sao?